

# Tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế tới tăng trưởng kinh tế của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung

Trần Thị Thanh Hương

Ngày nhận: 01/06/2018

Ngày nhận bản sửa: 01/09/2018

Ngày duyệt đăng: 12/11/2018

*Chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ. Một cơ cấu kinh tế (CCKT) hợp lý sẽ giúp phát huy được tối đa nguồn lực từ đó làm gia tăng mức tăng trưởng năng suất lao động và GDP của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ. Trong phạm vi nghiên cứu của bài viết, tác giả sử dụng hai phương pháp chỉ số và dịch chuyển tỷ trọng để lượng hóa tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chuyển dịch cơ cấu lao động có tác động tích cực đến tăng trưởng năng suất lao động, GDP của vùng. Chuyển dịch cơ cấu vốn đầu tư giữa các ngành trong vùng chưa hợp lý, dẫn đến chưa có tác động tích cực và rõ nét đến tăng trưởng năng suất vốn và GDP của vùng.*

*Từ khóa: Chuyển dịch CCKT, tăng trưởng kinh tế, vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung*

## 1. Vài nét về cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng Bắc Trung bộ - Duyên hải miền Trung giai đoạn 2010-2016

Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung là địa bàn chiến lược quan

trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và có lợi thế quan trọng trong việc mở rộng giao lưu kinh tế của Việt Nam. Việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển kinh tế của

Việt Nam.

Số liệu Bảng 1 cho thấy CCKT theo ngành của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung đang có sự chuyển dịch theo hướng hiện đại, từ cơ cấu nông, lâm nghiệp, thủy sản (NLTS)- công nghiệp xây dựng (CNXD)- dịch vụ (DV)

**Bảng 1. Cơ cấu GDP theo nhóm ngành kinh tế của vùng Bắc Trung bộ - Duyên hải miền Trung giai đoạn 2010-2016 (giá thực tế)**

Năm	Toàn vùng	Đơn vị: %			
		Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
2010	100,00	23,79	32,79	39,13	4,29
2011	100,00	23,43	34,35	38,24	3,98
2012	100,00	21,94	34,51	39,49	4,07
2013	100,00	20,00	35,78	39,71	4,51
2014	100,00	22,01	33,14	39,30	5,56
2015	100,00	18,80	33,62	37,54	10,04
2016	100,00	18,28	33,50	38,28	9,94

*Nguồn: Tính toán của tác giả từ Niên giám thống kê 14 của tỉnh thành phố trực thuộc vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung*

trong các giai đoạn trước sang cơ cấu DV- CNXD- NLTS trong giai đoạn 2010-2016. Tỷ trọng đóng góp của nhóm ngành NLTS giảm dần, từ 23,79% năm 2010 xuống 18,28% năm 2016; nhóm ngành CNXD, trong đó ngành công nghiệp giữ vai trò quyết định, cũng đã có sự vươn lên, tăng từ 32,79% năm 2010 lên 33,5% năm 2016. Nhóm ngành DV mặc dù vẫn giữ vị trí đứng đầu về tỷ trọng đóng góp trong GDP của vùng nhưng có sụt giảm, từ 39,13% năm 2010 xuống 38,28% năm 2016. Đây là tín hiệu báo động, trong thời gian tới cần có giải pháp phù hợp để duy trì được cơ cấu ngành hiện đại, phù hợp với lợi thế so của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung. Tính đến năm 2016, cơ cấu ngành kinh tế của vùng Bắc Trung bộ - Duyên hải miền Trung vẫn còn phụ thuộc

hiều vào nhóm ngành NLTS; so với quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội của vùng đề ra đến năm 2020 thì nhóm ngành NLTS vẫn chiếm tỷ trọng khá lớn trong GDP của Vùng. Việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay đòi hỏi phải phát huy các thế mạnh sẵn có của vùng, trong

đó có thể mạnh về nông-lâm-nghu nghiệp.

Cùng với quá trình chuyển dịch cơ cấu GDP, cơ cấu lao động (CCLĐ) của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung đã có những chuyển biến tích cực. Tỷ trọng lao động của nhóm ngành NLTS giảm từ 57,5% năm 2010 xuống 43,1% năm 2016; tỷ trọng lao động của nhóm ngành CNXD tăng từ 17,4% năm 2010 lên 26,25% năm 2016; bám sát là nhóm ngành DV tăng từ 25,15 % năm 2010 lên 30,64% năm 2016. Tuy nhiên, so với CCLĐ của cả nước thì CCLĐ của vùng vẫn còn lạc hậu, lao động của nhóm ngành NLTS vẫn còn chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng lao động của toàn Vùng.

Nếu xét theo lao động và GDP cho thấy trong giai đoạn 2010- 2016, CCKT của vùng có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Xét theo vốn đầu tư (VĐT), trong giai đoạn này,

**Bảng 2. Cơ cấu lao động theo nhóm ngành kinh tế của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung giai đoạn 2010-2016**

Năm	Toàn vùng	Đơn vị %		
		Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
2010	100,00	57,50	17,40	25,10
2011	100,00	56,22	16,98	26,79
2012	100,00	55,39	17,15	27,47
2013	100,00	44,30	24,08	31,62
2014	100,00	43,00	24,84	32,16
2015	100,00	46,98	20,72	32,29
2016	100,00	43,10	26,25	30,64

*Nguồn: Tính toán của tác giả từ Niên giám thống kê của 14 tỉnh thành phố trực thuộc vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung*

**Bảng 3. Cơ cấu vốn đầu tư theo nhóm ngành kinh tế của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung giai đoạn 2010-2015 (giá thực tế)**

Năm	Đơn vị: %			
	Toàn vùng	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
2010	100,00	8,22	39,69	52,09
2011	100,00	7,57	35,41	57,02
2012	100,00	8,12	41,17	50,70
2013	100,00	7,90	46,32	45,78
2014	100,01	6,68	49,47	43,86
2015	100,00	6,17	53,61	40,21

*Nguồn: Tính toán của tác giả từ Niên giám thống kê 14 của tỉnh thành phố trực thuộc vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung*

cơ cấu VĐT không có sự chuyển dịch rõ nét giữa các nhóm ngành kinh tế của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung. Năm 2016, VĐT vào nhóm ngành CNXD chiếm tỷ trọng lớn nhất 53,61%; tiếp đến là nhóm ngành DV chiếm 40,21%; nhóm ngành NLTS chiếm tỷ lệ khá thấp, chỉ 6,17%.

Với lợi thế về du lịch, sinh thái nhưng nhóm ngành DV của vùng vẫn chưa thật sự được quan tâm đầu tư đúng mực, do vậy tại thời điểm này vẫn chưa thật sự là ngành mũi nhọn và chưa phát triển theo hướng chất lượng cao. Nếu so với cả nước, nhóm ngành DV chưa thật sự được quan tâm đúng mực, điều này đã tác động không nhỏ đến tăng trưởng của chuyển dịch CCKT của vùng.

**2. Vận dụng mô hình đánh giá tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế tới tăng trưởng kinh tế**

**2.1. Vận dụng phương pháp chỉ số**

Vận dụng phương pháp chỉ số để đánh giá tác động của chuyển dịch CCKT tới tăng trưởng kinh tế vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung, tác giả đề xuất 4 mô hình:

**Mô hình 1:** Phân tích ảnh hưởng của năng suất lao động (NSLĐ) của bản thân các ngành (hoặc nhóm ngành) kinh tế và chuyển dịch CCLĐ giữa các ngành (hoặc nhóm ngành) kinh tế đến sự biến động NSLĐ bình quân của toàn vùng.

$$I_{\bar{w}} = \frac{\bar{w}_1}{\bar{w}_0} = \frac{\sum w_1 d_{L1}^f}{\sum w_0 d_{L0}^f} = \frac{\sum w_1 d_{L1}^f}{\sum w_0 d_{L1}^f} \times \frac{\sum w_0 d_{L1}^f}{\sum w_0 d_{L0}^f}$$

(1)  $\rightarrow I_{\bar{w}} = I_w \times I_{d_{L1}^f}$  (2) và

$\Delta_{\bar{w}} = \Delta_w + \Delta_{d_{L1}^f}$  (3)

Trong đó:

$\bar{w}_1$ : NSLĐ bình quân toàn vùng kỳ nghiên cứu

$\bar{w}_0$ : NSLĐ bình quân toàn vùng kỳ gốc

$w_1$ : NSLĐ của bản thân các nhóm ngành trong vùng kỳ nghiên cứu

$w_0$ : NSLĐ của bản thân các nhóm ngành trong vùng kỳ gốc

$d_{L1}^f$ : Tỷ trọng lao động của các nhóm ngành trong vùng kỳ nghiên cứu

$d_{L0}^f$ : Tỷ trọng lao động của các nhóm ngành trong vùng kỳ gốc

$I_{\bar{w}}$ : Chỉ số NSLĐ bình quân toàn vùng

$I_w$ : Chỉ số NSLĐ của các nhóm ngành kinh tế trong vùng

$I_{d_{L1}^f}$ : Chỉ số kết cấu lao động

$\Delta_{\bar{w}}$ : Lượng tăng (giảm) NSLĐ bình quân toàn vùng

$\Delta_w$ : Lượng tăng (giảm) NSLĐ bình quân toàn vùng do NSLĐ của bản thân các nhóm ngành kinh tế trong vùng.

$\Delta_{d_{L1}^f}$ : Lượng tăng (giảm) NSLĐ bình quân toàn vùng do chuyển dịch CCLĐ giữa các nhóm ngành kinh tế trong vùng.

**Mô hình 2:** Tương tự như mô hình 1, chúng ta có thể phân tích ảnh hưởng của năng suất vốn của bản thân các ngành (hoặc nhóm ngành) kinh tế và chuyển dịch cơ cấu VĐT giữa các ngành (hoặc nhóm ngành) kinh tế đến sự biến động năng suất vốn của toàn vùng.

**Mô hình 3:** Đánh giá tác động của các nhân tố NSLĐ, CCLĐ và số lượng lao động đến sự tăng (giảm) chỉ tiêu GDP của toàn vùng.

Quan hệ giữa GDP với NSLĐ của toàn vùng cũng như từng nhóm ngành kinh tế được biểu hiện qua phương trình sau:

$$\sum VA = \bar{W} \times \sum L \quad (4) \text{ với}$$

$\bar{W} = \sum VA / \sum L$

Trong đó:

VA: Giá trị tăng thêm của từng nhóm ngành kinh tế trong vùng

$\sum VA$ : GDP vùng

$\bar{W}$ : NSLĐ toàn vùng

W: NSLĐ của từng nhóm ngành kinh tế trong vùng

$\sum L$ : Tổng số lao động làm việc trong toàn vùng

L: Lao động làm việc trong từng nhóm ngành kinh tế trong vùng

i: Ký hiệu cho kỳ báo cáo

0: Ký hiệu cho kỳ gốc

Từ phương trình (4) ta có được hệ thống chỉ số như sau:

a. *Biến động tương đối*

$$\frac{\sum VA_1}{\sum VA_0} = \frac{\bar{W}_1}{\bar{W}_0} \times \frac{\sum L_1}{\sum L_0} = \frac{\frac{\sum W_1 L_1}{\sum L_1}}{\frac{\sum W_0 L_0}{\sum L_0}} \times \frac{\sum L_1}{\sum L_0} = \frac{\sum W_1 L_1}{\sum L_1} \times \frac{\sum L_1}{\sum W_0 L_1} \times \frac{\sum L_1}{\sum L_0}$$

$$= \frac{\bar{W}_1}{\bar{W}_{01}} \times \frac{\bar{W}_{01}}{\bar{W}_0} \times \frac{\sum L_1}{\sum L_0} \quad (5)$$

Hoặc:  $I_{GDP} = I_w \times I_{k/c} \times I_{\sum L} \quad (6)$

Trong đó:

$I_{GDP}$ : Chỉ số biến động chỉ tiêu GDP của vùng

$I_w$ : Chỉ số biến động chỉ tiêu NSLĐ (chỉ số cấu thành cố định)

$I_{k/c}$ : Chỉ số biến động CCLĐ (chỉ số ảnh hưởng kết cấu)

$I_{\sum L}$ : Chỉ số biến động số lượng lao động

b. *Biến động tuyệt đối*

$$GDP_1 - GDP_0 = (\bar{w}_1 - \bar{w}_0) \sum L_1$$

$$+ \bar{w}_0 (\sum L_1 - \sum L_0) = (\bar{w}_1 - \bar{w}_{01}) \sum L_1 + (\bar{w}_{01} - \bar{w}_0) \sum L_1 + \bar{w}_0 (\sum L_1 - \sum L_0) \quad (7)$$

Hoặc:  $\Delta_{GDP} = \Delta_{GDP(w)} + \Delta_{GDP(k/c)} + \Delta_{GDP(\sum L)}$  (8)

Trong đó:

$\Delta_{GDP}$ : Lượng tăng (giảm) GDP của vùng

$\Delta_{GDP(w)}$ : Lượng tăng (giảm) GDP do NSLĐ của từng nhóm ngành kinh tế trong vùng

$\Delta_{GDP(k/c)}$ : Lượng tăng (giảm) GDP do chuyển dịch CCLĐ giữa các nhóm ngành kinh tế trong vùng

$\Delta_{GDP(\sum L)}$ : Lượng tăng (giảm) GDP do tổng số lao động của vùng

c. *Tốc độ tăng GDP*

Tốc độ tăng (giảm) GDP nói chung:

$$\dot{I}_{GDP} = \frac{\Delta_{GDP}}{GDP_0} \times 100 \quad (9)$$

Tốc độ tăng (giảm) GDP do:

$$\dot{I}_{GDP(w)} = \frac{\Delta_{GDP(w)}}{GDP_0} \times 100 \quad (10)$$

- NSLĐ của các nhóm ngành kinh tế đóng góp:

$$\dot{I}_{GDP(k/c)} = \frac{\Delta_{GDP(k/c)}}{GDP_0} \times 100 \quad (11)$$

- Chuyển dịch CCLĐ đóng góp:

$$\dot{I}_{GDP(\sum L)} = \frac{\Delta_{GDP(\sum L)}}{GDP_0} \times 100 \quad (12)$$

- Tổng số lao động đóng góp:

$$\dot{I}_{GDP} = \dot{I}_{GDP(w)} + \dot{I}_{GDP(k/c)} + \dot{I}_{GDP(\sum L)} \quad (13)$$

Như vậy:

$$\dot{I}_{GDP} = \dot{I}_{GDP(w)} + \dot{I}_{GDP(k/c)} + \dot{I}_{GDP(\sum L)}$$

d. *Tỷ phần tăng lên của GDP do*

- NSLĐ của các nhóm ngành kinh tế đóng góp:

$$d_{(w)} = \frac{\Delta_{GDP(w)}}{\Delta_{GDP}} \times 100 \quad (14)$$

- Chuyển dịch CCLĐ đóng góp:

$$d_{(k/c)} = \frac{\Delta_{GDP(k/c)}}{\Delta_{GDP}} \times 100 \quad (15)$$

- Tổng số lao động đóng góp:

$$d_{(\sum L)} = \frac{\Delta_{GDP(\sum L)}}{\Delta_{GDP}} \quad (16)$$

Như vậy:

$$d_w + d_{k/c} + d_{\sum L} = 100\% \quad (17)$$

**Mô hình 4:** Tương tự như mô hình 1, chúng ta có thể đánh giá được tác động của các nhân tố năng suất vốn, chuyển dịch cơ cấu VĐT giữa các nhóm ngành và tổng số

VĐT đến sự tăng (giảm) GDP của toàn vùng.

2.2. *Phương pháp dịch chuyển tỷ trọng*

*chuyển tỷ trọng*

Để đánh giá đóng góp của chuyển dịch CCKT vào tăng trưởng kinh tế bằng phương pháp dịch chuyển tỷ trọng, chúng ta giả sử nền kinh tế được chia thành i ngành,  $i = 1, \dots, n$  (n là số nguyên, dương). Gọi  $w_A$  là mức NSLĐ của nền kinh tế, đo bằng tổng giá trị đầu ra ( $Y_A$ ) trên tổng số lao động ( $L_A$ ) hay  $w_A = Y_A / L_A$ . Khi đó NSLĐ của ngành i được xác định:  $w_i = Y_i / L_i$ . Với  $L_A$  là tổng số lao động có việc làm và  $L_i$  là lao động làm

việc trong ngành  $i$ , tỷ trọng lao động làm việc trong ngành  $i$  sẽ là  $d_{Li}$ ;  $d_{Li} = L_i / L_A$ . Giả sử số lao động di chuyển khỏi một ngành mà không làm ảnh hưởng đến đầu ra của ngành đó, từ đó mức NSLĐ của tổng thể nền kinh tế sẽ xác định bằng tổng mức NSLĐ của các ngành.

Để đo lường chính xác tác động của chuyển dịch cơ cấu theo Bart van Ark (1995) dựa vào phương pháp dịch chuyển tỷ trọng của Fabricant (1942) đề xuất mô hình sau: (18)

$$g^w_A = \frac{\sum_{i=1}^n (w_i^T - w_i^0) \times d_{Li}^0}{\sum_{i=1}^n w_i^0} + \frac{\sum_{i=1}^n (d_{Li}^T - d_{Li}^0) \times w_i^0}{\sum_{i=1}^n w_i^0} + \frac{\sum_{i=1}^n (w_i^T - w_i^0) \times (d_{Li}^T - d_{Li}^0)}{\sum_{i=1}^n w_i^0}$$

Trong công thức (18), cấu thành thứ nhất là tốc độ tăng năng suất nội bộ ngành (intra), hay còn gọi là “tăng trưởng năng suất nội sinh” thể hiện việc NSLĐ được cải thiện trong điều kiện không có sự chuyển dịch CCLĐ, quy mô lao động làm việc tại mỗi ngành trong nền kinh tế là không đổi trong thời kỳ nghiên cứu.

Cấu thành thứ hai là tác động của chuyển dịch cơ cấu do di chuyển lao động từ ngành có mức NSLĐ thấp sang ngành có mức NSLĐ cao hơn, gọi là tác động chuyển dịch tĩnh (tác động tĩnh). Tác động này sẽ mang giá trị dương nếu lao động dịch chuyển từ ngành có NSLĐ thấp sang ngành có NSLĐ cao. Ngược lại, tác động này sẽ mang giá trị âm nếu lao động dịch chuyển từ ngành có NSLĐ cao sang

ngành có NSLĐ thấp. Cấu thành thứ ba là tác động của chuyển dịch cơ cấu do di chuyển lao động từ ngành có tốc độ tăng NSLĐ thấp hơn sang các ngành có tốc độ tăng NSLĐ cao hơn, còn gọi là tác động chuyển dịch động (tác động động). Nếu lao động dịch chuyển sang ngành không những có NSLĐ cao mà còn có tốc độ tăng trưởng NSLĐ cao thì sẽ làm tăng tăng, hiệu ứng tương tác mang tính tích cực sẽ được khuếch

đại hơn. Ngược lại, hiệu ứng tương tác sẽ mang tính tiêu cực nếu các ngành có NSLĐ tăng trưởng nhanh không thể duy trì tỷ trọng việc làm cao trong tổng lao động.

### 3. Đánh giá tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế tới tăng trưởng kinh tế của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung

Để đánh giá tác động của chuyển dịch CCKT tới tăng trưởng kinh tế có thể sử dụng các phương pháp như: hồi quy đa biến, hồi quy dữ liệu mảng, chỉ số và dịch chuyển tỷ trọng,... Tuy nhiên, do số liệu không đầy đủ theo chuỗi thời gian của 14 tỉnh, thành phố trực thuộc Vùng Bắc Trung Bộ- Duyên hải miền Trung, nên trong phạm vi nghiên cứu của bài viết,

tác giả sử dụng hai phương pháp chỉ số và dịch chuyển tỷ trọng. Trong đó, đại diện cho chỉ tiêu phản ánh CCKT tác giả sử dụng hai chỉ tiêu CCLĐ và cơ cấu VĐT. Đại diện cho chỉ tiêu phản ánh tăng trưởng kinh tế, tác giả sử dụng ba chỉ tiêu GDP, NSLĐ và năng suất vốn. Để đánh giá tác động của chuyển CCLĐ, cơ cấu VĐT đến tăng trưởng GDP, năng suất vốn, tác giả sử dụng phương pháp chỉ số. Để đánh giá tác động của chuyển dịch CCLĐ đến tăng trưởng NSLĐ

tác giả sử dụng hai phương pháp chỉ số và dịch chuyển tỷ trọng. Nguồn số liệu được sử

dụng trong phân tích được lấy từ Niên giám thống kê của 14 tỉnh, thành phố trực thuộc Vùng Bắc Trung Bộ - Duyên hải miền Trung giai đoạn 2010- 2015.

Đánh giá tác động của chuyển dịch CCLĐ theo nhóm ngành kinh tế đến GDP của vùng Bắc Trung Bộ- Duyên hải miền Trung bằng phương pháp chỉ số cho thấy chuyển dịch CCLĐ có tác động tích cực đến tăng trưởng GDP của vùng giai đoạn 2010-2015. Trong giai đoạn này, GDP tăng 60,3% trong đó, NSLĐ của bản thân các nhóm ngành làm tăng 50,5%, chuyển dịch CCLĐ giữa các nhóm ngành làm tăng 7,5%, tổng lao động của toàn vùng làm tăng 2,4%. Chuyển dịch CCLĐ giữa các nhóm ngành trong toàn vùng đóng góp 12,4% vào sự tăng lên của GDP vùng.



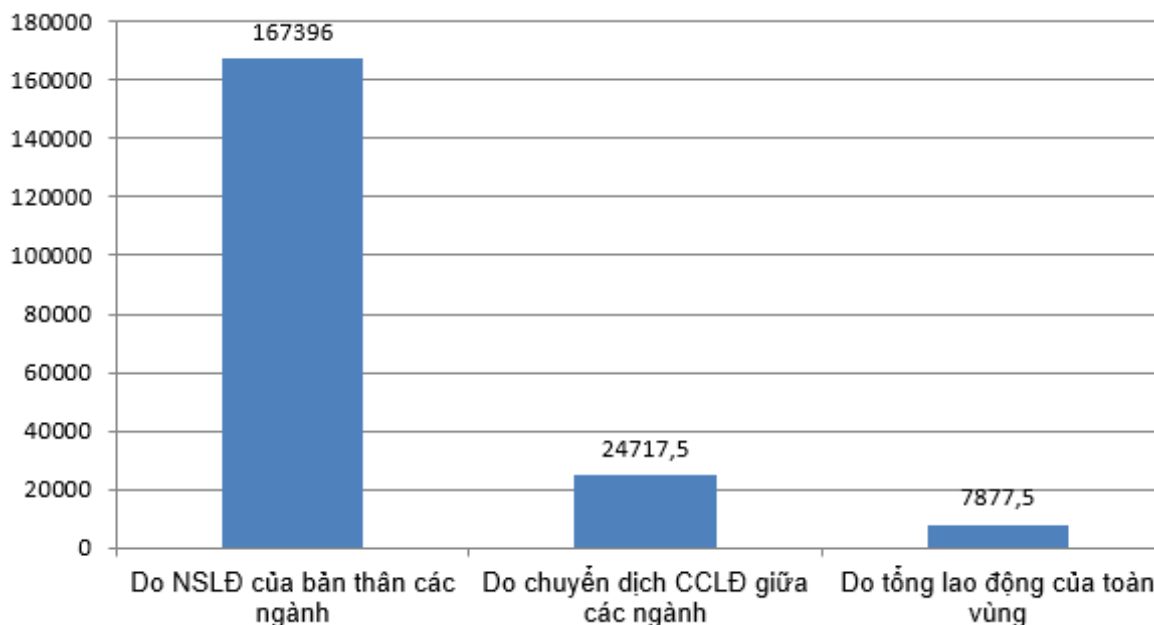
**Bảng 4. Đóng góp của chuyển dịch cơ cấu lao động và các nhân tố đến GDP của vùng Bắc Trung bộ - Duyên hải miền Trung giai đoạn 2010- 2015 (giá so sánh 2010)**

Giai đoạn	Tốc độ tăng GDP (%)				Tỷ trọng (%)		
	GDP	Do NSLĐ của bản thân các ngành	Do chuyển dịch CCLĐ giữa các ngành	Do tổng lao động của toàn vùng	Do NSLĐ của bản thân các ngành	Do chuyển dịch CCLĐ giữa các ngành	Do tổng lao động của toàn vùng
2015 so 2010	60,3	50,5	7,5	2,4	83,7	12,4	3,9

Nguồn: Tính toán của tác giả theo phương pháp chỉ số, mô hình 3, mục 2.1, số liệu từ Niên giám thống kê của 14 tỉnh, thành phố trực thuộc vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung, GDP được tính theo giá cơ bản

**Đồ thị 1. Lượng tăng (giảm) GDP của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung giai đoạn 2010- 2015 do ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu lao động và các nhân tố (giá so sánh 2010)**

Đơn vị tính: Tỷ đồng



Nguồn: Tính toán của tác giả theo phương pháp chỉ số, mô hình 3, mục 2.1, số liệu từ Niên giám thống kê của 14 tỉnh, thành phố trực thuộc vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung, GDP được tính theo giá cơ bản

**Bảng 5. Đóng góp của chuyển dịch cơ cấu vốn đầu tư và các nhân tố đến GDP của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung giai đoạn 2010- 2015 (giá so sánh 2010)**

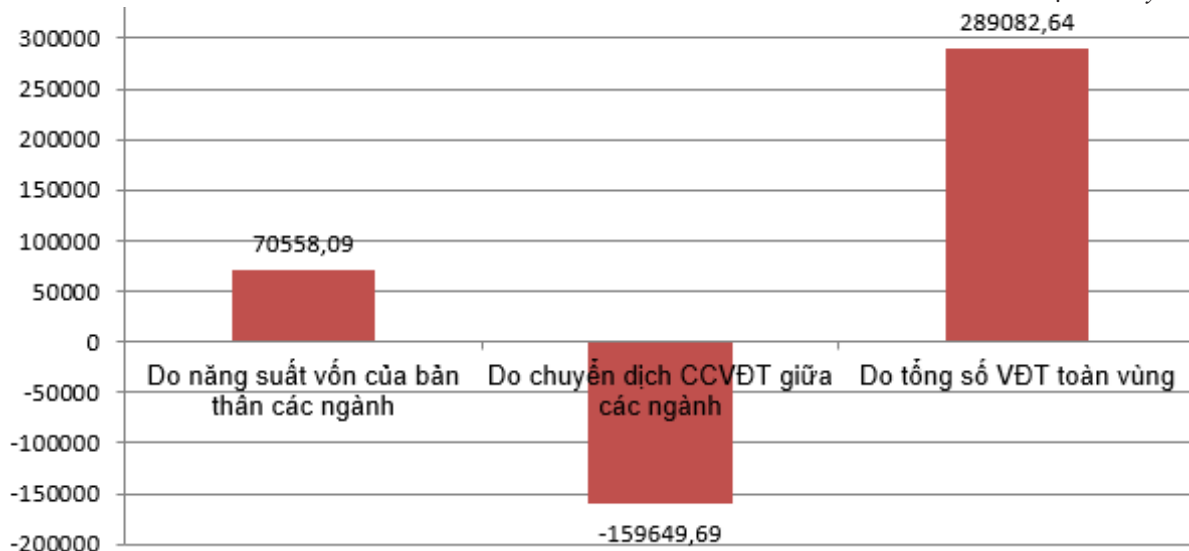
Giai đoạn	Tốc độ tăng GDP (%)				Tỷ trọng do (%)		
	GDP	Do năng suất vốn của bản thân các ngành	Do chuyển dịch CCVĐT giữa các ngành	Do tổng số vốn đầu tư toàn vùng	Do năng suất vốn của bản thân các ngành	Do chuyển dịch CCVĐT giữa các ngành	Do tổng số vốn đầu tư toàn vùng
2015 so 2010	60,35	21,29	-48,18	87,23	35,28	-79,83	144,55

Nguồn: Tính toán của tác giả theo phương pháp chỉ số, mô hình 4, mục 2.1, số liệu từ Niên giám thống kê của 14 tỉnh, thành phố trực thuộc vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung, GDP được tính theo giá cơ bản

Trong giai đoạn 2010- 2015, sự chuyển dịch cơ cấu VĐT giữa các nhóm ngành kinh

**Đồ thị 2. Lượng tăng (giảm) GDP của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung giai đoạn 2010- 2015 do ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu vốn đầu tư và các nhân tố (giá so sánh 2010)**

Đơn vị tính: Tỷ đồng



Nguồn: Tính toán của tác giả theo phương pháp chỉ số, mô hình 4, mục 2.1, số liệu từ Niên giám thống kê của 14 tỉnh, thành phố trực thuộc vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung, GDP được tính theo giá cơ bản

**Bảng 6. Đóng góp của chuyển dịch cơ cấu lao động và các nhân tố đến năng suất lao động của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung giai đoạn 2010- 2015 (giá so sánh 2010)**

Giai đoạn	Tốc độ tăng NSLĐ bình quân toàn vùng (%)	Đóng góp của tăng trưởng NSLĐ bản thân các ngành (%)	Đóng góp của chuyển dịch CCLĐ giữa các nhóm ngành (%)		
			Đóng góp thuần	Trong đó	
				Tác động “tĩnh”	Tác động “động”
A	(1) = (2) + (3)	(2)	(3) = (4) + (5)	(4)	(5)
2015 so 2010	44,44	29,68	11,67	3,09	14,76

Nguồn: Tính toán của tác giả theo phương pháp dịch chuyển tỷ trọng, công thức 18, mục 2.2, số liệu từ Niên giám thống kê của 14 tỉnh, thành phố trực thuộc vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung, NSLĐ được tính theo giá cơ bản

tế của vùng Bắc Trung Bộ - Duyên hải miền Trung chưa thật sự tích cực, đã cản trở sự tăng trưởng kinh tế của vùng. Số liệu Bảng 5 cho thấy, chuyển dịch cơ cấu VĐT giữa các nhóm ngành trong vùng đã làm GDP của vùng giảm 48,18%. Đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng GDP của vùng giai đoạn này là do tổng số VĐT. Năng suất vốn của bản thân các nhóm ngành có

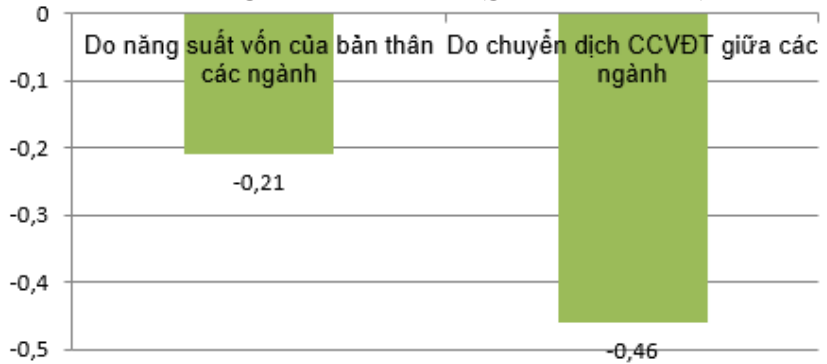
tác động tích cực đến GDP, tuy nhiên không nhiều. Nhóm ngành CNXD được đầu tư khá lớn (tỷ trọng VĐT cao) nhưng năng suất vốn lại khá thấp (0,18 lần năm 2015), thấp hơn nhóm ngành NLTS (0,31 lần năm 2015). Hay nói cách khác, để tạo ra một đồng GDP, nhóm ngành CNXD phải bỏ ra nhiều VĐT hơn. Nhóm ngành NLTS được đầu tư ít hơn (tỷ trọng VĐT thấp

nhất và thấp hơn rất nhiều so với nhóm ngành CNXD) nhưng để tạo ra một đồng GDP thì nhóm này phải bỏ ra ít đồng VĐT hơn. Đây là một điểm đáng lo ngại đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của vùng. Sự chuyển dịch CCLĐ giữa các nhóm ngành của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung đã có tác động tích cực tới tăng trưởng NSLĐ bình

quân của toàn vùng. Theo số liệu Bảng 6, năm 2015 so 2010, NSLĐ bình quân của toàn vùng tăng 44,4%, trong đó do NSLĐ của bản thân các nhóm ngành làm tăng 29,68%, chuyển dịch CCLĐ giữa các nhóm ngành làm tăng 11,67%. Tiếp tục tách tác động của chuyển dịch CCLĐ giữa các nhóm ngành thành hai cấu phần, tác động “tĩnh” và tác động “động” cho thấy, cấu phần “động” tác động chủ yếu vào tăng trưởng NSLĐ của vùng (làm tăng 14,76%). Điều này cho thấy, trong giai đoạn 2010-2015 có sự chuyển lao động từ ngành có tốc độ tăng trưởng NLSĐ thấp sang ngành có tốc độ tăng trưởng cao. Đây là một dấu hiệu đáng mừng, cho thấy sự chuyển dịch tích cực CCLĐ giữa các nhóm ngành của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung.

Giữa VĐT và tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Về lý thuyết, VĐT dịch chuyển vào ngành nào sẽ dẫn đến gia tăng mức tăng trưởng của ngành đó. Tuy nhiên, theo số liệu Bảng 7, trong giai đoạn 2010-2015, hiệu quả sử dụng VĐT của toàn vùng đã có sự sụt giảm

**Đồ thị 3. Lượng tăng (giảm) năng suất vốn của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung giai đoạn 2010- 2015 do ảnh hưởng bởi các nhân tố (giá so sánh 2010)**



*Nguồn: Tính toán của tác giả theo phương pháp chỉ số, mô hình 2, mục 2.1, số liệu từ Niên giám thống kê của 14 tỉnh, thành phố trực thuộc vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung, Năng suất vốn được tính theo giá cơ bản*

(năng suất vốn giảm 14,36%). Sự sụt giảm hiệu quả sử dụng VĐT chủ yếu là do chuyển dịch cơ cấu VĐT giữa các nhóm ngành kinh tế trong vùng. Chuyển dịch cơ cấu VĐT giữa các nhóm ngành bất hợp lý, kém hiệu quả làm năng suất vốn của toàn vùng giảm 25,73%. Năng suất vốn của bản thân các ngành trong vùng có tác động tích cực đến tăng trưởng năng suất vốn của vùng (làm tăng 11,37%).

**4. Kết luận và khuyến nghị**

Vận dụng hai phương pháp chỉ số và dịch chuyển tỷ trọng,

tác giả đã lượng hóa được tác động của chuyển dịch CCLĐ theo nhóm ngành kinh tế đến tăng trưởng NSLĐ và GDP của vùng Bắc Trung Bộ- Duyên hải miền Trung giai đoạn 2010- 2015. Kết quả ước lượng cho thấy trong giai đoạn 2010- 2015, sự chuyển dịch CCLĐ giữa các nhóm ngành kinh tế đã có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung. Do đó, để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế của vùng, cần xây dựng các giải pháp đẩy mạnh chuyển dịch CCLĐ theo hướng tích cực. Cụ thể, tiếp tục ưu tiên

**Bảng 7. Đóng góp của chuyển dịch cơ cấu vốn đầu tư và các nhân tố đến Năng suất vốn của vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung giai đoạn 2010-2015 (giá so sánh 2010)**

	Tốc độ tăng (%)			Tỷ trọng đóng góp (%)	
	Năng suất vốn toàn vùng	Do năng suất vốn của bản thân các ngành	Do chuyển dịch CCVĐT giữa các ngành	Do năng suất vốn của bản thân các ngành	Do chuyển dịch CCVĐT giữa các ngành
2015 so 2010	-14,36	11,37	-25,73	-79,20	179,20

*Nguồn: Tính toán của tác giả theo phương pháp chỉ số, mô hình 2, mục 2.1, số liệu từ Niên giám thống kê của 14 tỉnh, thành phố trực thuộc vùng Bắc Trung bộ- Duyên hải miền Trung, Năng suất vốn được tính theo giá cơ bản*



phát triển hai nhóm ngành CNXD và DV hướng về xuất khẩu, sử dụng nhiều lao động, đặc biệt là lao động nông thôn; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại cho lao động nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế; Cần xây dựng cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp trong vùng đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất nhằm nâng cao NSLĐ. Vận dụng phương pháp chỉ số, tác giả đã lượng hóa được tác động của chuyển dịch cơ cấu VĐT theo nhóm ngành kinh tế đến tăng trưởng năng suất vốn và GDP của vùng Bắc Trung Bộ- Duyên hải miền

Trung giai đoạn 2010- 2015. Kết quả ước lượng cho thấy, trong giai đoạn 2010- 2015, sự chuyển dịch cơ cấu VĐT giữa các nhóm ngành là rào cản lớn đến sự tăng trưởng kinh tế của vùng. Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của vùng trong thời gian tới, cần nâng cao hiệu quả sử dụng VĐT của các doanh nghiệp trong toàn vùng; có chính sách ưu đãi về tín dụng với các doanh nghiệp sử dụng dây chuyền công nghệ cao, hiện đại. Bên cạnh việc nâng cao hiệu quả sử dụng VĐT của từng ngành trong vùng, cần có chính sách chuyển dịch cơ cấu VĐT hợp lý hơn giữa các nhóm ngành kinh tế trong vùng nhằm phát

huy lợi thế của từng ngành, từng lĩnh vực sản xuất; Thực hiện các chính sách nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào vùng để tạo thêm động lực mới cho tăng trưởng kinh tế của toàn vùng. ■

### Tài liệu tham khảo

1. Bar van Ark and Marcel Timmer (2003), "Asia's Productivity Performance and Potential: The Contribution of Sectors and Structural Change", [http://ggdc.nl/databases/10\\_sector/2007/papers/asia\\_paper4.pdf](http://ggdc.nl/databases/10_sector/2007/papers/asia_paper4.pdf).
2. Fabricant S. (1942) *Employment in manufacturing 1899 – 1939*, New York, NBER
3. Nguyễn Thị Tuệ Anh (2007), *Đánh giá đóng góp của các ngành kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế tới tăng trưởng năng suất lao động ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.
4. Trần Thị Thanh Hương (2017), *Nghiên cứu thống kê cơ cấu kinh tế Việt Nam*, NXB Lao động xã hội 2017.
5. Trần Thị Thanh Hương (2018), *Tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế tới tăng trưởng kinh tế Vùng Bắc Trung Bộ - Duyên hải miền Trung*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Học viện Ngân hàng.

### Thông tin tác giả

**Trần Thị Thanh Hương**, Tiến sĩ  
Khoa Kế toán- Kiểm toán, Học viện Ngân hàng  
Email: huongvtk@gmail.com

### Summary

**The impact of economic restructuring on the economic growth of North Central and Central coastal areas**  
Economic restructuring are one of the important factors contributing to the growth and economic development of each country and region. A rational economic structure will help maximize the resources that will increase the labor productivity growth and GDP of each country and region. Within the scope of the paper, the author used two methods of index and shift share analyze to measure the impact of labor restructuring, investment capital restructuring on economic growth of the North Central- Central Coastal areas. Research results show that labor restructuring has a positive impact on labor productivity and GDP growth of the region. The restructuring of investment capital among sectors in the region is not reasonable, leading to no positive and clear impact on the capital productivity and GDP growth of the region.

Key words: Economic restructuring, economic growth, North Central and Central coastal areas.

**Huong Thi Thanh Tran**, PhD  
Accounting and Auditing Faculty, Banking Academy of Vietnam